

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA KAR
TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 12/2023/HSST

Ngày: 31/03/2023.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA KAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thị Mai.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết, ông Lê Khắc Dũng.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Y Kăn Niê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên toà:* Ông Dương Minh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 09/2023/TLST - HS, ngày 10 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-HS, ngày 16 tháng 03 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Thị S** (tên gọi khác: Bích N), sinh năm: 1986, tại huyện S, tỉnh Thanh Hóa; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông Lê Ngọc N (đã chết) và con bà Lê Thị G, sinh năm 1962; Bị cáo có 02 chồng là Phan Hữu T, sinh năm 1981 (Ly hôn năm 2015), chồng là Đỗ Thanh P, sinh năm 1985 (Ly hôn năm 2022) và có 03 con, con lớn sinh năm 2009 và con nhỏ sinh năm

2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/12/2022 đến ngày 01/3/2023, được thay thế biện pháp ngăn chặn **bảo lãnh** (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Hồ Viết N**, sinh năm: 1960. Nơi cư trú: Thôn 1, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Bà **Phạm Thị H**, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Thôn 8, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Bà **Lê Thị Thanh H**, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Số 23 An Dương V, phường 2, thành phố L, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Ông **Nguyễn Đức C**, sinh năm: 1982. Nơi cư trú: Thôn 8, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

+ Ông **Trần Văn T**, sinh năm: 1990. Nơi cư trú: Thôn 4, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Lê Thị S sinh năm 1986 thuê nhà của ông Hồ Viết N tại số nhà 87, thôn K, xã M, huyện K, để mở quán bán cà phê, nước giải khát. Đến tháng 03/2021, S được cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh massage Bích N và mở cơ sở dịch vụ xông hơi, massage mục đích kiếm thêm thu nhập. Sau khi mở dịch vụ xông hơi S thuê 04 nhân viên massage (có lập hợp đồng lao động) gồm: Phạm Thị H, Lê Thị Thanh H và hai nhân viên hiện nay đã nghỉ. S và các nhân viên thỏa thuận với nhau, S không trả lương cho nhân viên, khi khách có nhu cầu đến xông hơi, massage thì S sẽ thông báo trên hệ thống zalo nhóm Lan Quế P (Bích N) để cho các nhân viên đến phục vụ tiền vé xông hơi, massage là 150.000đ/01 khách thì S được hưởng. Đến khoảng tháng 11/2022, thấy nhân viên than khổ nên S cho nhân viên massage sau khi massage cho khách thì được thỏa thuận với khách để kích dục, bán dâm cho khách

tại phòng massage để được hưởng “tiền bo” của khách, từ đó có nhiều khách đến massage hơn thì S cũng được thu lợi nhiều hơn. Toàn bộ số tiền khách “bo” thì nhân viên được hưởng hết. Giá tiền dịch vụ kích dục hoặc bán dâm thì S và nhân viên thống nhất như sau: dịch vụ thư giãn bằng tay thì giá 200.000đ/lần; dịch vụ thư giãn bằng miệng thì giá 300.000đ/lần; dịch vụ mua bán dâm với khách là khách nam quan hệ tình dục với nhân viên massage thì giá 500.000đ/lần. Số tiền do kích dục, bán dâm cho khách thì nhân viên nhận từ khách đưa hoặc S nhận trực tiếp từ khách, sau đó đưa lại cho nhân viên, số tiền này nhân viên được hưởng không chia lại cho S.

Vào khoảng 19 giờ 20 ngày 26/12/2022, S đang tắm ở phía sau thì nhân viên massage Lê Thị Thanh H gọi cho S nói: “Chị N ơi, có khách đến”. S hỏi ai thì H nói “Anh Trần Văn T tới”, S mặc đồ đi ra thì thấy Trần Văn T và Nguyễn Đức C đang đứng ở đường luồng trong quán massage. Khi thấy S thì T nói với S “cho hai em để vui vẻ, quan hệ thì giá bao nhiêu”, S hiểu ý của T là nói S gọi cho 02 nhân viên massage đến để mua bán dâm. S nói với T “tiền vé là 150.000đ/ 01 người, còn tiền mua dâm là 500.000đ/01 người”. Tổng số tiền cho 02 người là 1.300.000đ (gồm tiền vé massage và tiền mua dâm) thì T đồng ý, T rút từ trong ví ra đưa cho S 1.300.000đ. Sau khi nhận tiền của T, S lấy điện thoại di động Iphone 14 Promax, màu trắng nhắn tin vào trong nhóm Zalo Lan Quế P (Bích N) với nội dung “2k” (có nghĩa là 02 khách) để thông báo cho nhân viên biết là tiệm có khách để đến phục vụ. S thấy Phạm Thị H nhắn tin lại “Dạ” thì S biết Phạm Thị H đã đồng ý. Sau đó S mở cửa phòng số 4 cho Nguyễn Đức C vào rồi mở cửa phòng số 5 cho T vào. Lúc này S đi đến phòng số 01 nói với Lê Thị Thanh H: “Em vào phòng 4 làm cho khách”. Khi H đi đến trước cửa phòng 4, S đưa cho H số tiền 500.000đ và nói: “Tiền khách bo gửi trước, khách yêu cầu gì thì làm đó”. S sắp xếp để Phạm Thị H phục vụ T ở phòng số 5, nhưng lúc này chưa thấy Phạm Thị H đến nên S đưa tiếp cho H 500.000đ và nhờ H khi Phạm Thị H đến thì đưa số tiền 500.000đ cho Phạm Thị H. Mục đích S nhận tiền của T 1.000.000đ là để đưa cho H 500.000đ và Phạm Thị H 500.000đ để H bán dâm cho C còn Phạm Thị H bán dâm cho T, còn số tiền vé 300.000đ thì S cất giữ.

Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi Lê Thị Thanh H và Nguyễn Đức C đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng số 4; Phạm Thị H và Trần Văn T đang thực hiện hành vi quan hệ tình dục tại phòng số 5 do S làm chủ thì bị lực lượng Công an huyện K phát hiện bắt quả tang, tạm giữ người cùng tang vật.

Cáo trạng số: 12/CT – VKS, ngày 08 tháng 03 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Lê Thị S về tội “Chứa mại dâm” theo khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị S thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì khác.

Tại phiên tòa, sau khi phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng số: 12/CT – VKS, ngày 08 tháng 03 năm 2023. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo: Lê Thị S phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị S mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù, cho hưởng án treo. **Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm.** Giao bị cáo Lê Thị S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

+ Đề nghị tịch thu và sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đ (trong đó của H 500.000đ và của Phạm Thị H 500.000đ), 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng. Đây là số tiền thu lợi bất chính và 01 chiếc điện thoại là phương tiện dùng để phạm tội.

+ Đề nghị tịch thu và tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Water Etotus, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Rocmen, vỏ màu xanh và 01 sim

điện thoại số 0846.107.227, đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

+ Tuyên trả lại cho Phạm Thị H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng cùng sim số 0944.292.963; trả cho bị cáo Lê Thị S **số tiền 300.000đ và 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh mang tên Lê Thị S**. Đây là tài sản và tiền không liên quan đến hành vi phạm tội.

Đối với một hợp đồng thuê nhà và 02 hợp đồng lao động cần thiết lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với hành vi bán dâm của bà Lê Thị Thanh H, bà Phạm Thị H và hành vi mua dâm của ông Nguyễn Đức C, ông Trần Văn T không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các hành vi nêu trên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 24 và khoản 1 Điều 25 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H, Phạm Thị H, C và T là có căn cứ.

Đối với ông Hồ Viết N không biết việc bị cáo S sử dụng nhà của mình cho thuê để chứa mại dâm nên không có căn cứ xử lý.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, của Viện kiểm sát nhân dân huyện K và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố, điều tra thu thập chứng cứ vụ án đã thực hiện đúng theo thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố

tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có lưu trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở pháp lý xác định: Với mục đích nhằm thu lợi bất chính nên vào khoảng 19 giờ 20 phút ngày 26/12/2022, cùng một lúc Lê Thị S đã đồng ý cho 02 nhân viên là Lê Thị Thanh H và Phạm Thị H sử dụng phòng số 04 và số 05 thuộc cơ sở kinh doanh massage Bích N, địa chỉ tại số nhà 87, thôn K, xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk do S làm chủ để thực hiện hành vi bán dâm cho Nguyễn Đức C và Trần Văn T. Đến khoảng 19 giờ 45 phút cùng ngày, khi các đối tượng trên đang mua bán dâm với nhau thì bị lực lượng Công an huyện K phát hiện bắt quả tang.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, bị cáo thực hiện hành vi bởi lỗi cố ý. Do đó, quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đối với bị cáo Lê Thị S về tội “Chứa mại dâm” theo quy định tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự, quy định:

1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Xét về ý thức: Bị cáo là người đầy đủ năng lực nhận biết việc chứa mại dâm là xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục và đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra các căn bệnh xã hội. Do đó, HĐXX cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi do bị cáo gây ra. Tuy nhiên xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, nhất thời phạm tội; lần đầu phạm tội. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị

cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có hoàn cảnh rất khó khăn đang phải nuôi con trai Phan Hữu T bị bệnh tâm thần được chính quyền địa phương xác nhận, đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt và áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo Lê Thị S là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Đối với số tiền mua bán dâm 1.000.000đ (trong đó của H 500.000đ và của Phạm Thị H 500.000đ) và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, đây là số tiền thu lợi bất chính và tang vật dùng để phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

+ Đối với 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Water Etotus, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Rocmen, vỏ màu xanh và 01 sim điện thoại số 0846.107.227, đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng cùng sim số 0944.292.96 của Phạm Thị H và số tiền 300.000đ của Lê Thị S, đây là tài sản và tiền không liên quan đến hành vi phạm tội. Do đó, HĐXX tuyên trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng cùng sim số 0944.292.96 cho Phạm Thị H và trả số tiền 300.000đ cho Lê Thị S là phù hợp.

+ Đối với bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 40H8007357, đăng ký lần đầu ngày 15/3/2021, người đại diện mang tên Lê Thị S, ngành nghề kinh doanh: dịch vụ xông hơi, massage và hiện nay bị cáo S đã giao nộp bản sao chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nêu trên. Do đó, HĐXX

tuyên trả lại bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 40H8007357, đăng ký lần đầu ngày 15/3/2021 cho Lê Thị S.

+ Đối với hợp đồng thuê nhà và 02 hợp đồng lao động là chứng cứ cần thiết lưu trong hồ sơ vụ án.

+ Đối với hành vi bán dâm của bà Lê Thị Thanh H, bà Phạm Thị H và hành vi mua dâm của ông Nguyễn Đức C, ông Trần Văn T không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, các hành vi nêu trên đã vi phạm vào khoản 1 Điều 24 và khoản 1 Điều 25 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình. Vì vậy, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H, Phạm Thị H, C và T là có căn cứ, cần chấp nhận.

+ Đối với ông Hồ Viết N không biết việc bị cáo S sử dụng nhà của mình cho thuê để chứa mại dâm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Hồ Viết N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị S phạm tội “Chứa mại dâm”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị S cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kết hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.000.000đ (trong đó của H 500.000đ và của Phạm Thị H 500.000đ), đây là số tiền thu lợi bất chính mà có.

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng, là phương tiện dùng để phạm tội.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Water Etotus, 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Rocmen, vỏ màu xanh và 01 sim điện thoại số 0846.107.227, đây là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng.

+ Tuyên trả lại chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng, cùng sim số 0944.292.963 cho Phạm Thị H; trả lại cho bị cáo Lê Thị S số tiền 300.000đ và bản chính giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 40H8007357, đăng ký lần đầu ngày 15/3/2021, người đại diện mang tên Lê Thị S.

(Toàn bộ vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 20/3/2023 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công huyện K và Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk là biên lai thu tiền số 5955, ngày 20/3/2023).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo Lê Thị S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên

tòa được quyền kháng cáo bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án liên quan đến mình trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện E;
- Chi cục Thi hành án huyện E;
- Công an huyện E;
- Cơ quan THA Hình sự huyện K;
- UBND xã M;
- Bị cáo ;Người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Mai